

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2021/DS-PT

Ngày: 28-9-2021

V/v tranh chấp đòi lại tài sản và
thực hiện nghĩa vụ tài sản do người
chết để lại.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Phụng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thành.

Ông Nguyễn Văn Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nghi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2021/TLPT-DS ngày 18 tháng 5 năm 2021, về việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng nhà, đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 25/2021/DS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 87/2021/QĐ-PT ngày 31 tháng 5 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 97/2021/QĐ-PT ngày 22 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Danh Thanh T, địa chỉ: đường L, Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Lê Q, địa chỉ: đường N, ấp V, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ liên lạc: đường K, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 22/4/2021) (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn Q, địa chỉ: Đường X, Khóm C, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Bà Trần Thị H, địa chỉ: Đường X, Khóm C, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

3. Ông Trần Hữu N, địa chỉ: Đường X, Khóm C, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

4. Bà Trần Thị T2, địa chỉ: Đường X, Khóm C, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

5. Bà Nguyễn Thị Ngọc D, địa chỉ: đường C, Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Danh Thanh T là nguyên đơn.

- *Viện Kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 16/01/2019 của ông Danh Thanh T và tại phiên toà bà Trần Lệ Q là người đại diện theo ủy quyền của ông T trình bày:*

Vào ngày 26/11/2017, ông T và bà Huỳnh Thị B, ông Nguyễn Văn Q có ký giấy để chuyển nhượng nhà, đất tại Đường X, Khóm C, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (chưa được cấp chủ quyền) với giá 100.000.000 đồng, ông T đã trả trước 25.000.000 đồng với thỏa thuận trong vòng một tháng nếu bên bán có nhu cầu thì bên mua đồng ý cho bên bán mua lại với giá 25.000.000 đồng cộng với 13.000.000 đồng tiền do không thực hiện việc mua bán. Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 16/12/2017 ông T trả thêm 10.000.000 đồng, sau đó nhiều lần liên hệ để các bên tiếp tục thực hiện hợp đồng nhưng bà B, ông Q không thực hiện.

Ông Danh Thanh T yêu cầu bà B, ông Q có trách nhiệm trả số tiền 35.000.000 đồng và tiền không thực hiện cam kết là 13.000.000 đồng, tổng cộng 48.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, ông T thay đổi yêu cầu khởi kiện thành buộc ông Q và những người thừa kế của bà B là bà Trần Thị H, ông Trần Hữu N, bà Trần Thị T2, bà Nguyễn Ngọc D và ông Nguyễn Văn Q liên đới trả cho ông T 35.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 26/11/2017 đến ngày 26/3/2021 là 22.400.000 đồng (40 tháng x 1,6%/tháng x 35.000.000 đồng); tổng cộng là 57.400.000 đồng; Ông T không yêu cầu trả 13.000.000 đồng tiền thực hiện cam kết.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, ông Nguyễn Văn Q trình bày:*

Ông Nguyễn Văn Q thừa nhận có cùng với bà B, bà Trần Thị T2 ký tên trong Giấy chuyển nhượng nhà và đất ngày 26/11/2017 với nội dung chuyển nhượng căn nhà, đất tại Đường X, Khóm C, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cho ông T với giá 100.000.000 đồng và ông T trực tiếp giao tiền 02 lần cho bà B tổng cộng 35.000.000 đồng. Ông Q cho rằng việc mua bán nhà đất không có thật và ông Q ký vào Giấy chuyển nhượng này là do ông T yêu cầu để

đảm bảo khoản tiền 35.000.000 đồng bà B đã vay của ông T.

Ông Nguyễn Văn Q thừa nhận người thừa kế của bà B gồm ông Q, bà Trần Thị H, ông Trần Hữu N, bà Trần Thị T2, bà Nguyễn Thị Ngọc D và đồng ý cùng những người này liên đới trả số tiền 35.000.000 đồng cho ông T, nhưng đề nghị được trả mỗi tháng 2.000.000 đồng; riêng tiền lãi thì ông Q không đồng ý trả.

- *Tại phiên toà, bà Trần Thị H, ông Trần Hữu N cùng trình bày:* Ông bà thống nhất với ý kiến của ông Nguyễn Văn Q và đồng ý cùng với ông Q trả số tiền 35.000.000 đồng cho ông T, nhưng đề nghị trả mỗi tháng 2.000.000 đồng; riêng tiền lãi thì không đồng ý trả.

- *Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Thị B là bà Trần Thị T2, bà Nguyễn Thị Ngọc D:* Không phản đối yêu cầu khởi kiện, ý kiến trình bày của ông Danh Thanh T, ông Nguyễn Văn Q, bà Trần Thị H, ông Trần Hữu N.

Tại bản án sơ thẩm số 25/2021/DS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định: Căn cứ vào các Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điểm a khoản 1 Điều 118, khoản 1 Điều 122 Luật Nhà ở năm 2014 và khoản 2 Điều 117, khoản 2 Điều 119, Điều 129, Điều 131, Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuyên xử:

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Danh Thanh T: Buộc ông Nguyễn Văn Q và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Thị B là ông Nguyễn Văn Q, bà Trần Thị H, ông Trần Hữu N, bà Trần Thị T2, bà Nguyễn Ngọc D có trách nhiệm liên đới trả cho ông Danh Thanh T số tiền 35.000.000 đồng phát sinh từ Giấy chuyển nhượng nhà và đất ngày 26/11/2017.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Thị B là ông Nguyễn Văn Q, bà Trần Thị H, ông Trần Hữu N, bà Trần Thị T2, bà Nguyễn Ngọc D có trách nhiệm trả số tiền trên trong phạm vi di sản do bà Huỳnh Thị B chết để lại.

2/. Không chấp nhận yêu cầu của ông Danh Thanh T về việc buộc ông Nguyễn Văn Q và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Thị B là ông Nguyễn Văn Q, bà Trần Thị H, ông Trần Hữu N, bà Trần Thị T2, bà Nguyễn Ngọc D có trách nhiệm liên đới trả cho ông Danh Thanh T số tiền lãi là 22.400.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi chậm trả, án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo luật định.

Ngày 22/4/2021, nguyên đơn ông Danh Thanh T kháng cáo bản án sơ thẩm nêu trên, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn kháng cáo cũng như khởi kiện của ông.

Ngày 10/5/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành quyết định số 10/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị phúc thẩm đối với bản án dân sự sơ thẩm số 25/2021/DS-ST ngày 8 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy toàn bộ bản án nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Danh Thanh T do bà Trần Lệ Q đại diện theo ủy quyền không rút lại đơn khởi kiện và giữ nguyên nội dung kháng cáo; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng thay đổi một phần nội dung Quyết định kháng nghị; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện VKSND tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Về nội dung vụ án, Đại diện VKSND tỉnh Sóc Trăng phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo và kháng nghị, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn và chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ghi nhận sự thỏa thuận của đại diện nguyên đơn với các bị đơn ông Nguyễn Văn Q và ông Trần Hữu N đồng ý trả lãi thêm cho nguyên đơn 9.000.000 đồng tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Người kháng cáo, Viện kiểm sát kháng nghị; nội dung và hình thức đơn kháng cáo, Quyết định kháng nghị; thời hạn kháng cáo, kháng nghị là đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273, 278, 279 và 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo của nguyên đơn ông Danh Thanh T và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là hợp lệ và đúng theo luật định.

[2] Về quan hệ tranh chấp và người tham gia tố tụng:

[2.1] Căn cứ vào đơn khởi kiện của ông Danh Thanh T ngày 16/01/2019 về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị B và ông Nguyễn Văn Q trả lại số tiền 35.000.000 đồng và tiền không thực hiện cam kết là 13.000.000 đồng, tổng cộng là 48.000.000 đồng và đến ngày 22/10/2020, bà Trần Lệ Q đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn làm đơn thay đổi nội dung khởi kiện về việc yêu cầu những người thừa kế tố tụng của bà B là bà Trần Thị H, ông Trần Hữu N, bà Trần Thị

T2, bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Nguyễn Văn Q trả cho ông T số tiền 35.000.000 đồng và tại phiên tòa bà Q đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu tính lãi kể từ ngày 26/11/2017 đến ngày 26/03/2021 là 22.400.000 đồng ($40 \text{ tháng} \times 1,6\%/\text{tháng} \times 35.000.000 \text{ đồng}$); tổng cộng là 57.400.000 đồng. Xét thấy, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu các con của bà Huỳnh Thị B trả số tiền 35.000.000 đồng vốn là số tiền ông T chuyển nhượng nhà và đất lập ngày 26/11/2017 của bà B, mà không tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng nhà và đất, lãi 22.400.000 đồng. Do bà Huỳnh Thị B (chết ngày 15/12/2018), nên các con của bà B chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn 35.000.000 đồng vốn và xin lãi. Như vậy, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu các con của bà Huỳnh Thị B trả số tiền 35.000.000 đồng. Nhưng cấp sơ thẩm lại xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng nhà, đất” là không chính xác. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xác định lại quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp đòi lại tài sản và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại” các quan hệ pháp luật trên được quy định tại khoản 3, khoản 14 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 166 và Điều 615 Bộ luật dân sự 2015.

[2.2] Do nguyên đơn yêu cầu các con của bà B (chết ngày 15/12/2018) trả nợ thì các con bà B là bị đơn trong vụ án “Thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại” mới đúng, nhưng cấp sơ thẩm xác định các con của bà B là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Thị B là chưa đúng theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm bổ sung các con của bà B là bị đơn trong vụ án và các con bà B cũng đồng ý.

[3] Tại phiên tòa, bà Trần Thị T2, bà Nguyễn Thị Ngọc D vắng mặt nhưng có lời khai xin xét xử vắng mặt; bà Trần Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do; việc vắng mặt của họ cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng thay đổi kháng nghị, vì phần kháng nghị về tố tụng Tòa cấp phúc thẩm đã bổ sung đầy đủ, các đương sự đã thỏa thuận về số tiền hoàn trả cho nhau và chỉ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa án sơ thẩm theo hướng ghi nhận thêm việc ông Nguyễn Văn Q và ông Trần Hữu N đồng ý trả thêm phần lãi cho ông T. Xét thấy, việc thay đổi Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, không ảnh hưởng hoặc gây thiệt hại cho người khác và không vượt kháng nghị ban đầu. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 284 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, chấp nhận thay đổi quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát.

Về nội dung:

[5] Các đương sự đều thừa nhận: Ngày 26/11/2017, ông T và bà Huỳnh Thị B, ông Nguyễn Văn Qui và bà Trần Thị T2 có ký giấy để chuyển nhượng

nhà, đất tại Đường X, Khóm C, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (chưa được cấp chủ quyền) với giá 100.000.000 đồng, ông T đã trả trước 25.000.000 đồng với thỏa thuận trong vòng một tháng nếu bên bán có nhu cầu thì bên mua đồng ý cho bên bán mua lại với giá 25.000.000 đồng cộng với 13.000.000 đồng tiền do không thực hiện việc mua bán. Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 16/12/2017 ông T trả thêm 10.000.000 đồng.

[6] Xét kháng cáo của ông Danh Thanh T. Xét thấy, tại Tòa cấp phúc thẩm, bà Q đại diện theo ủy quyền của ông Danh Thanh T cùng với ông Nguyễn Văn Q và ông Trần Hữu N thỏa thuận là các con của bà B là bà Trần Thị H, ông Trần Hữu N, ông Nguyễn Văn Q, bà Trần Thị T2 và bà Nguyễn Thị Ngọc D đồng ý trả cho ông Danh Thanh T số tiền vốn 35.000.000 đồng phát sinh từ Giấy chuyển nhượng nhà và đất ngày 26/11/2017. Ngoài ra, ông Q và ông N đồng ý trả thêm cho ông T phần tiền lãi là 9.000.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận thỏa thuận trên, nên kháng cáo của ông Danh Thanh T được chấp nhận.

[7] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, thấy rằng:

[7.1] Bà Huỳnh Thị B chết ngày 15/12/2008, đơn khởi kiện của nguyên đơn đề ngày 16/01/2019 và được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án số 15/2019/TLST-DS ngày 29/01/2019 xác định bà B là bị đơn là vi phạm Điều 69 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy, Tòa cấp sơ thẩm xác định như trên là chưa chính xác, có vi phạm tố tụng. Tuy nhiên, vi phạm trên không lớn và tại mục [2], Tòa cấp phúc thẩm đã bổ sung và xác định các con của bà B là bà Trần Thị H, ông Trần Hữu N, bà Trần Thị T2, bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Nguyễn Văn Q là bị đơn trong vụ án tranh chấp “Thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại” theo quy định tại khoản 14 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 615 Bộ luật dân sự.

[7.2] Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành thẩm định, định giá tài sản và xác định lỗi dẫn đến hợp đồng vô hiệu để xem xét xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu là chưa giải quyết hết yêu cầu của nguyên đơn. Xét thấy, theo đơn khởi kiện ngày 16/01/2019 của nguyên đơn Danh Thanh T yêu cầu Tòa án buộc bà B, ông Q có trách nhiệm trả số tiền 35.000.000 đồng và tiền không thực hiện cam kết là 13.000.000 đồng, tổng cộng 48.000.000 đồng và do bà B (chết ngày 15/12/2018); đến ngày 22/10/2020, bà Trần Lệ Q đại diện theo ủy quyền của ông T có đơn thay đổi nội dung khởi kiện buộc ông Q và những người thừa kế của bà B là bà Trần Thị H, ông Trần Hữu N, bà Trần Thị T2, bà Nguyễn Ngọc D và ông Nguyễn Văn Q liên đới trả cho ông T 35.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 26/11/2017 đến ngày 26/3/2021 là 22.400.000 đồng (40 tháng x 1,6%/tháng x 35.000.000 đồng); tổng cộng là 57.400.000 đồng; Ông T không yêu cầu trả 13.000.000 đồng tiền thực hiện cam kết cũng như trong quá trình giải quyết vụ án. Tại tòa cấp phúc thẩm bà Q đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không yêu cầu tòa án giải quyết hợp đồng chuyển nhượng nhà đất và xử lý hậu quả của hợp đồng lập ngày 26/11/2017 và cũng không yêu cầu Tòa án hai cấp thẩm định,

định giá tài sản để xác định giá trị tài sản, mà chỉ yêu cầu các con của bà B trả 35.000.000 đồng của số tiền chuyển nhượng nhà đất và tiền lãi là 9.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành thẩm định, định giá tài sản và xác định lỗi dẫn đến hợp đồng vô hiệu để xem xét xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu là có căn cứ và đây là quyền quyết định và tự định đoạt của nguyên đơn theo quy định tại Điều 5 Bộ luật dân sự năm 2015. Tuy nhiên, tại tòa cấp phúc thẩm bà Q đại diện theo ủy quyền của ông T với các bị đơn là ông Nguyễn Văn Q và ông Trần Hữu N đồng ý trả thêm cho ông T tiền lãi là 9.000.000 đồng, nên phần này cần ghi nhận.

[7.3] Tòa cấp sơ thẩm chưa thụ lý “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại” theo quy định tại khoản 14 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 615 Bộ luật dân sự nhưng trong quyết định buộc những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của các con bà B trả nợ trên phạm vi di sản của bà B để lại và không xác minh tài sản của bà B để lại là những gì, ai quản lý, đã chia hay chưa chia. Xét thấy, theo nhận định tại mục [2] thì Tòa án cấp phúc thẩm xác định và bổ sung lại quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp đòi lại tài sản và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại” các quan hệ pháp luật trên được quy định tại khoản 3, khoản 14 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 166 và Điều 615 Bộ luật dân sự 2015 và xác định các con bà B là bị đơn trong vụ án “Thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại” mới đúng theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngoài ra, Tòa cấp phúc thẩm có thu thập chứng cứ đối với Di sản của bà B và ông T3 thì tại biên bản lấy lời khai của bà Trần Thị T2 và có sự đồng ý của ông Nguyễn Văn Q ngày 16/7/2021, biên bản lấy khai ông Trần Hữu N ngày 18/8/2021 đều do Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng lập và tờ tường trình của bà Nguyễn Thị Ngọc D ngày 21/8/2021 đều khai cha mẹ của các ông bà gồm: ông Nguyễn Văn T3 (chết 15/7/2015A), mẹ bà Huỳnh Thị B (chết ngày 15/12/2018) có 05 người con như trên. Trong quá trình chung sống và đã chết ông bà không có để lại di chúc đối với căn nhà Đường X, Khóm C, Phường B có chiều ngang (trước 4m - sau 4,1m), dài 13,6m; kết cấu vách tường, nền lát gạch bông, đòn tay gỗ, lợp tôn, có 01 phòng ngủ và 01 toilet, từ mí cửa ra lộ 30/4 nền tráng xi măng; Di sản thừa kế của bà B, ông T3 chưa chia và hiện nay ông N và vợ chồng ông Q, bà Thạch Thị C đang quản lý, sử dụng nhà đất; nhà đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phần này là có căn cứ. Tuy nhiên, phần này Tòa cấp phúc thẩm đã xác định và có bổ sung theo yêu cầu của Viện kiểm sát.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Danh Thanh T và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do án sơ thẩm bị sửa, nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 và khoản 2 Điều 26 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Danh Thanh T và Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 25/2021/DS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào các Điều 5, khoản 3 và khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 166 và Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 26; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Danh Thanh T.

1.1. Buộc ông Nguyễn Văn Q, bà Trần Thị H, ông Trần Hữu N, bà Trần Thị T2, bà Nguyễn Thị Ngọc D có trách nhiệm liên đới trả cho ông Danh Thanh T số tiền 35.000.000 đồng phát sinh từ Giấy chuyển nhượng nhà và đất ngày 26/11/2017.

1.2. Ông Nguyễn Văn Q, bà Trần Thị H, ông Trần Hữu N, bà Trần Thị T2, bà Nguyễn Thị Ngọc D có trách nhiệm trả số tiền 35.000.000 đồng trong phạm vi di sản do bà Huỳnh Thị B chết để lại.

1.3. Ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của ông Nguyễn Văn Q và ông Trần Hữu N đồng ý trả thêm phần tiền lãi cho ông Danh Thanh T là 9.000.000 đồng.

1.4. Ông Nguyễn Văn Q và ông Trần Hữu N có trách nhiệm trả số tiền 9.000.000 đồng trong phạm vi di sản do bà Huỳnh Thị B chết để lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Nguyễn Văn Q, bà Trần Thị H, ông Trần Hữu N, bà Trần Thị T2, bà Nguyễn Thị Ngọc D liên đới chịu 1.750.000 đồng.

2.2. Ông Danh Thanh T không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.200.000 đồng theo biên lai thu số 0004886 ngày 22/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Danh Thanh T không phải chịu. Hoàn trả cho ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo các Biên lai thu số 0007719 ngày 22/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Các đương sự (10);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- TAND thành phố S (01);
- Chi cục THADS thành phố S (01);
- Lưu: HSA - VP (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Văn Phụng